

Số: 2331 /QB-UBND

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư pháp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: ng

- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiệp

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2331 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)



A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN LIÊN THÔNG CẤP TỈNH, CẤP BỘ (12 thủ tục)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (3)					
1	1.000112	Bỏ nhiệm công chứng viên	- Sở Tư pháp 10 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 30 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021.
2	1.000100	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	- Sở Tư pháp 10 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 30 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chính; - Quyết định số 991/QĐ-BTP
3	1.000075	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	- Sở Tư pháp 15 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
II LĨNH VỰC LUẬT SƯ (4)						
1	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	- Sở Tư pháp 07 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 10/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ/BTP.
2	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	- Sở Tư pháp 07 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1565/QĐ/BTP.
3	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	- Sở Tư pháp 07 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1565/QĐ/BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	- Sở Tư pháp 07 ngày làm việc; - Bộ Tư pháp 20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ. Phí: 800.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012. - Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1565/QĐ/BTP.
III LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (2)						
1	1.003976	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	- Thời gian cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp. Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	- Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp (Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài) - Chi phí giải quyết nuôi con nuôi: 50.000.000 đồng/trường hợp (Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí). Chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. Trường hợp người nước ngoài	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ số, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em</p>		<p>thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chí phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.</p>	<p>- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Quyết định số 169/QĐ-BTP ngày 04/02/2021.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi</p>			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>			
2	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	<p>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con</p>	<p>- Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>- Hồ sơ của người nhận con nuôi: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Con nuôi; ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi.</p>	<p>- Lệ phí: 4.500.000 đồng</p> <p>+ Trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi: Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000 đồng /trường hợp.</p> <p>+ Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi: Được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi</p>	<p>- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC; - Quyết định số 169/QĐ-BTP.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận</p>		<p>nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p> <p>- Hình thức nộp lệ phí: Chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình sau khi Cục Con nuôi tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p>	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. - Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. 			
IV	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (3)					
1	2.002039	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày làm việc	<p>Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	<p>Lệ phí: 3.000.000 đồng</p> <p>Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam.</p>	<p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 của Bộ Tư pháp.
2	2.002038	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 2.500.000 đồng Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1217/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	
3	2.002036	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 2.500.000 đồng	- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1217/QĐ-BTP.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH (16 thủ tục)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (5)					
1	1.001877	Thành lập Văn phòng công chứng	UBND cấp tỉnh 20 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND tỉnh – Số 04 Trần Hưng Đạo, Tp. Đà Lạt Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. - Quyết định số 991/QĐ-BTP.
2	1.001688	Hợp nhất Văn phòng công chứng	- Sở Tư pháp 20 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP.
3	1.001665	Sáp nhập Văn phòng công chứng	- Sở Tư pháp 20 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP.
4	1.001647	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	- Sở Tư pháp 20 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP.
5	1.003118	Thành lập Hội công chứng viên	- Sở Tư pháp 30 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-; - Quyết định số 991/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II						
LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (4)						
1	1.008929	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Sở Tư pháp 20 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 20 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ.	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thừa phát lại; - Quyết định số 2005/QĐ-BTP
2	1.008932	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	- Sở Tư pháp 15 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005/QĐ-BTP
3	1.008934	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	- Sở Tư pháp 15 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		
4	1.008936	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	- Sở Tư pháp 15 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005/QĐ-BTP
III	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (6)					
1	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	- UBND cấp tỉnh 20 ngày làm việc. (Sở Tư pháp giúp Chủ tịch UBND tỉnh cấp Thẻ giám định tư pháp)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND tỉnh – Số 04 Trần Hưng Đạo, Tp. Đà Lạt Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012; - Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. - Quyết định số 524/QĐ-BTP.
2	2.000894	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	- UBND cấp tỉnh 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND tỉnh – Số 04 Trần Hưng Đạo, Tp. Đà Lạt Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012; - Luật số 56/2020/QH14; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						hành Luật giám định tư pháp; - Quyết định số 524/QĐ-BTP.
3	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	- Sở Tư pháp 10 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 56/2020/QH14; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 11/2020/TT-BTP. - Quyết định số 524/QĐ-BTP.
4	2.000890	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	- Sở Tư pháp 30 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012; - Luật số 56/2020/QH14; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 11/2020/TT-BTP. - Quyết định số 524/QĐ-BTP.
5	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	- Sở Tư pháp 30 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 15 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012; - Luật số 56/2020/QH14; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP. - Quyết định số 524/QĐ-BTP.
6	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	- Sở Tư pháp 07 ngày làm việc; - UBND cấp tỉnh 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật giám định tư pháp năm 2012. - Luật số 56/2020/QH14. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 157/2020/NĐ-CP. - Quyết định số 524/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
IV	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (1)					
1	1.003160	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. 	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP Nghị định số 114/2016/NĐ-CP Thông tư số 10/2020/TT-BTP Thông tư số 267/2016/TT-BTC Quyết định số 169/QĐ-BTP

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP (104 thủ tục)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (14)					
1	1.001071	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	<p>Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> Luật Công chứng số 53/2014/QH13; Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng. Quyết định số 991/QĐ-BTP
2	1.001446	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt.	Không	<ul style="list-style-type: none"> Luật số 53/2014/QH13; Thông tư số 04/2015/TT-BTP. Quyết định số 991/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		
3	1.001125	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
4	1.001153	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; - 07 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký tập sự sau khi thay đổi nơi đã đăng ký tập sự.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
5	1.001438	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	1.001721	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
7	1.001756	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC - Quyết định số 991/QĐ-BTP
8	1.001799	Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC - Quyết định số 991/QĐ-BTP
9	2.000789	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú,	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
10	2.000778	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ trường hợp khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng.	- Luật số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
11	2.000766	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
12	2.000758	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
13	2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng	07 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt.	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC. - Quyết định số 991/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		
14	2.002387	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, Phường 4, Tp Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP. - Quyết định số 991/QĐ-BTP
II LĨNH VỰC LUẬT SƯ (14)						
1	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
2	1.002010	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 20/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi một số điều của Luật Luật sư; - Nghị định 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						doanh nghiệp. - Thông tư 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp quy định một số mẫu giấy tờ về luật sư và hành nghề luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
3	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật số 20/2012/QH13; - Nghị định 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư 47/2019/TT-BTC. - Thông tư 02/2015/TT-BTP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
4	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật số 20/2012/QH13; - Nghị định 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư 47/2019/TT-BTC. - Thông tư 02/2015/TT-BTP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
5	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật số 20/2012/QH13; - Nghị định 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư 47/2019/TT-BTC. - Thông tư 02/2015/TT-BTP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	1.002099	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật số 20/2012/QH13; - Nghị định 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư 47/2019/TT-BTC. - Thông tư 02/2015/TT-BTP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
7	1.002218	Hợp nhất công ty luật	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định 123/2013/NĐ-CP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
8	1.002234	Sáp nhập công ty luật	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định 123/2013/NĐ-CP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
9	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyên đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Lệ phí: 50.000 đồng/lần	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	1.002153	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật số 20/2012/QH13; - Thông tư 02/2015/TT-BTP. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
11	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 600.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
12	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật 20/2012/QH13 - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
13	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật 20/2012/QH13 - Thông tư số 17/2011/TT-BTP; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 2.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật số 65/2006/QH11 - Luật 20/2012/QH13 - Thông tư số 220/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1565/QĐ-BTP
III LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (8)						
1	2.001815	Cấp Thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Đấu giá số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 Quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản. - Quyết định số 1724/QĐ-BTP
2	2.001807	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP; - Quyết định số 1724/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	2.001395	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 1.000.000đ	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP;- - Thông tư số 106/2017/TT-BTC; - Quyết định số 1724/QĐ-BTP.
4	2.001333	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000đ	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC. - Quyết định số 1724/QĐ-BTP.
5	2.001258	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000đ	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC. - Quyết định số 1724/QĐ-BTP
6	2.001247	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP; - Quyết định số 1724/QĐ-BTP
7	2.001225	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP. - Quyết định số 1724/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 2.700.000đ	- Luật số 01/2016/QH14; - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP; - Thông tư số 106/2017/TT-BTC. - Quyết định số 1724/QĐ-BTP
IV	LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI (9)					
1	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
2	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
3	1.008927	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		
4	1.008928	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
5	1.008930	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
6	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	03 ngày làm việc, trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng; 07 ngày làm việc đối với các trường hợp khác.	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
7	1.008933	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
8	1.008935	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhập Văn phòng Thừa phát lại		Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		
9	1.008937	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP. - Quyết định số 2005 /QĐ-BTP
V LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN (5)						
1	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000đ	- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 của Quốc hội ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, hoạt động quản lý, thanh lý tài sản; lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên. - Quyết định số 1725/QĐ-BTP
2	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	- Luật số 51/2014/QH13 ; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP. - Quyết định số 1725/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản		Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		
3	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000đ	- Luật số 51/2014/QH13 ; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1725/QĐ-BTP
4	1.001633	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 51/2014/QH13 ; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP; - Quyết định số 1725/QĐ-BTP
5	1001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật số 51/2014/QH13 ; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP; - Quyết định số 1725/QĐ-BTP
VI	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (3)					
1	2.000823	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Giám định tư pháp năm 2012. - Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp.</p> <p>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp.</p> <p>- Quyết định số 524/QĐ-BTP</p>
2	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	05 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	Không	<p>- Luật Giám định tư pháp năm 2012.</p> <p>- Luật số 56/2020/QH14;</p> <p>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 524/QĐ-BTP</p>
3	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	05 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	Không	<p>- Luật Giám định tư pháp năm 2012.</p> <p>- Luật số 56/2020/QH1;</p> <p>- Nghị định số 85/2013/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Quyết định số 524/QĐ-BTP</p>
VII	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT (6)					
1	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p>	Không	<p>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật;</p> <p>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.		ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP
2	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 13/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP
3	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP
5	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP. - Quyết định số 1566/QĐ-BTP
6	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP; - Quyết định số 1566/QĐ-BTP
VIII LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI (6)						
1	1.008889	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 1.500.000 đồng.	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ương khác				<p>Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại.</p> <p>- Quyết định số 1955/QĐ-BTP</p>
2	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	Phí: 1.000.000 đồng.	<p>- Luật số 54/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC.</p> <p>- Quyết định số 1955/QĐ-BTP</p>
3	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của	15 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua</p>	<p>Phí: 500.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động;</p> <p>Phí: 3.000.000 đồng đối với thay đổi nội</p>	<p>- Luật số 54/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư số 222/2016/TT-</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		hệ thống bưu chính.	dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	BTC. - Quyết định số 1955/QĐ-BTP
4	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 500.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1955/QĐ-BTP
5	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 5.000.000 đồng	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 124/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1955/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Luật 54/2010/QH12	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.500.000 đồng. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000 đồng. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 đồng.	- Luật Trọng tài thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP; - Thông tư số 222/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1955/QĐ-BTP
IX LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI (9)						
1	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP
2	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác				
3	2.002047	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP
4	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP
5	1.008914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP
7	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP
8	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	1.009283	Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BTP. - Quyết định số 1956/QĐ-BTP
X	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (10)					
1	2.000970	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
3	2.000954	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
4	1.001233	Thay đổi nội dung đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
5	2.000840	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
6	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				hệ thống bưu chính.		- Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
7	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
8	2.000977	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP. - Quyết định số 1170/QĐ-BTP
9	2.000829	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008; Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008, Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	<p>- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại;</p> <p>- Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.</p>	<p>- Người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: Hồ sơ nộp tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lâm Đồng, Tầng 1, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>- Giám đốc Sở Tư pháp: Hồ sơ nộp tại Sở Tư pháp, Tầng 8, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p>	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.
XI LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (1)						
1	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	<p>- Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC</p> <p>- Quyết định số 169/QĐ-BTP</p>
XII LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (3)						
1	2.002191	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự.	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng,	Không	<p>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14;</p> <p>- Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh		biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp Ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.
2	2.002193	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Không	- Luật số 10/2017/QH14; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.
3	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh	Không	- Luật số 10/2017/QH14; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự Không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị 			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho</p>			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>người yêu cầu bồi thường. Trường hợp Không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng Không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi</p>			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày</p>			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường Không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc Không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu</p>			

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			rõ hậu quả pháp lý của việc Không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.			
XIII	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH (2)					
1	2.001895	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. - Quyết định số 1217/QĐ-BTP ngày 22/5/2020 của Bộ Tư pháp.
2	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính. 	<ul style="list-style-type: none"> Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC. - Quyết định số 1217/QĐ-BTP.
XIV	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (1)					
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. 	<ul style="list-style-type: none"> Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch 	<ul style="list-style-type: none"> Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch	vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.		tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020.
XV	LĨNH VỰC GIAO DỊCH BẢO ĐẢM (9)					
1	1.004583	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. - Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện	Phí: - Tổ chức: 125.000 đồng/hồ sơ. - Hộ gia đình, cá nhân: + Tại các phường, thị trấn: 72.000 đồng/hồ sơ. + Tại các xã: 48.000 đồng/hồ sơ. - Miễn thu phí đối với các trường hợp:	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chấp tài sản gắn liền với đất)			<ul style="list-style-type: none"> + Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh. + Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên; + Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên. - Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. 	<p>quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng</p> <p>- Quyết định số 1183/QĐ-BTP ngày 20/5/2020.</p>
2	1.004550	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nêu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ</p>	<p>- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận</p>	<p>Phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức: 125.000 đồng/hồ sơ. + Hộ gia đình, cá nhân: - Tại các phường, thị trấn: 72.000 đồng/hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 07/2019/TT-BTP. - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND. - Quyết định số 1183/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thì cũng không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các xã: 48.000 đồng/hồ sơ. + Miễn thu phí đối với các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh. - Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên; - Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên. + Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. 	
3	1.003862	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất Không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc	- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Phí: + Tổ chức: 125.000 đồng/hồ sơ. + Hộ gia đình, cá nhân:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 07/2019/TT-BTP. - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND. - Quyết định số 1183/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	- Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Tại các phường, thị trấn: 72.000 đồng/hồ sơ. - Tại các xã: 48.000 đồng/hồ sơ. + Miễn thu phí đối với các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh. - Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên; - Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên. + Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. 	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	1.003688	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện</p>	<p>Phí:</p> <p>+ Tổ chức: 125.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Tại các phường, thị trấn: 72.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Tại các xã: 48.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Miễn thu phí đối với các trường hợp:</p> <p>- Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh.</p> <p>- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;</p> <p>- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.</p> <p>+ Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người</p>	<p>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP.</p> <p>- Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND.</p> <p>- Quyết định số 1183/QĐ-BTP.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.	
5	1.003625	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện</p>	<p>Phí:</p> <p>+ Tổ chức: 87.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Tại các phường, thị trấn: 48.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Tại các xã: 24.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Miễn thu phí đối với các trường hợp:</p> <p>- Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh.</p> <p>- Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;</p> <p>- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.</p> <p>+ Giảm 50% mức thu</p>	<p>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP.</p> <p>- Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND.</p> <p>- Quyết định số 1183/QĐ-BTP.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.	
6	1.003046	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. - Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện	Miễn lệ phí	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP. - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND. - Quyết định số 1183/QĐ-BTP.
7	2.000801	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. - Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện.	Phí: + Tổ chức: 106.000 đồng/hồ sơ. + Hộ gia đình, cá nhân: - Tại các phường, thị trấn: 60.000 đồng/hồ sơ. - Tại các xã: 36.000 đồng/hồ sơ. + Miễn thu phí đối với các trường hợp: - Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh. - Yêu cầu sửa chữa sai	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP. - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND. - Quyết định số 1183/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;</p> <p>- Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.</p> <p>+ Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.</p>	
8	1.001696	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện.</p>	<p>Phí:</p> <p>+ Tổ chức: 125.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân:</p> <p>- Tại các phường, thị trấn: 72.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>- Tại các xã: 48.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>+ Miễn thu phí đối với các trường hợp:</p> <p>- Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn</p>	<p>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP.</p> <p>- Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND.</p> <p>- Quyết định số 1183/QĐ-BTP.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh. - Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên; - Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên. + Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.	
9	1.000655	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng Không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	- Tổ chức nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Lâm Đồng – 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. - Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại: Bộ phận TNHS&TKQ thuộc UBND cấp huyện	Phí: + Tổ chức: 31.000 đồng/hồ sơ. + Hộ gia đình, cá nhân: - Tại các phường, thị trấn: 24.000 đồng/hồ sơ. - Tại các xã: 18.000 đồng/hồ sơ. + Miễn thu phí đối với các trường hợp:	- Thông tư số 07/2019/TT-BTP. - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND. - Quyết định số 1183/QĐ-BTP.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh. - Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên; - Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên. + Giảm 50% mức thu phí đối với các đối tượng được ưu đãi theo Pháp lệnh Người có công; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. 	
XVI	LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP (3)					
1	2.001417	Thủ tục cấp phiếu lý lịch cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc; - 15 ngày làm việc (Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước 	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp, trực tuyến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người. - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đang cư trú tại Việt Nam)	ngoài, người nước ngoài quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Lý lịch tư pháp, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Lý lịch tư pháp).	hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	<p>sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người.</p> <p>- Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp người</p>	<p>ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp Về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.</p>	
2	2.000505	<p>Thủ tục cấp phiếu lý lịch cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)</p>	<p>- 10 ngày làm việc; - 15 ngày làm việc (Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật Lý lịch tư pháp, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Lý lịch tư pháp).</p> <p>- Trường hợp khẩn cấp khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời hạn Không quá 24 giờ, kể từ thời</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp, trực tuyến hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	<p>- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người.</p> <p>- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người.</p> <p>- Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ</p>	<p>- Luật Lý lịch tư pháp 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC.</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			điểm nhận được yêu cầu.		<p>em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.</p>	
3	2.000488	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	<p>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – số 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt.</p> <p>Trực tiếp, trực tuyến</p>	<p>- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/lần/người.</p> <p>- Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của</p>	<p>- Luật Lý lịch tư pháp 2009;</p> <p>- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 13/2011/TT-BTP;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-</p>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	hoặc thông qua hệ thống bưu chính.	sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người. - Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật. - Trường hợp người được cấp Phiếu lý lịch	VKSNDTC-BCA-BQP; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP; - Thông tư số 244/2016/TT-BTC.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tư pháp đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kê từ phiếu thứ 3 trở đi cơ quan cấp phiếu lý lịch tư pháp thu thêm 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu lý lịch tư pháp.	
XVII LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (1)						
1	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.</p>	<p>Nộp hồ sơ tại cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc.</p> <p>Trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.</p>	Không	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP;</p>

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (31 thủ tục)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (1)						
1	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>Người có yêu cầu có thể trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện.</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện</p> <p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP; - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Quyết định số 169/QĐ-BTP.
II LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (2)						
1	2.002190	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây	- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thiệt hại	<p>sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn</p>	trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện		<p>biện pháp thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>quy định tại khoản này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người giải quyết bồi thường. - Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau: (1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi 			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường.</p> <p>Trường hợp không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>quan giải quyết bồi thường. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>			
2	1.005462	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của	Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự	công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp huyện		
III	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (16)					
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện</p> <p>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.</p>	<p>Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
2	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện</p> <p>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.</p>	<p>Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND ngày 15/7/2020 của Hội

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			khai sinh.			đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
3	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày Bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà Không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện	Lệ phí: 1.500.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ- HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
4	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ- HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện	Lệ phí: 1.500.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
6	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện	- Lệ phí đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/trường hợp. - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
7	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- 05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cũ. - 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
8	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 28.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
10	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
11	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
12	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.	dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
13	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
14	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
15	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện	Lệ phí: 1.500.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
16	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện Trực tiếp hoặc qua	Lệ phí: 75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				thông qua hệ thống bưu chính.	gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị quyết số 183/2020/NQ- HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
IV	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (12)					
1	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<p>Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)</p>	<p>Phí:</p> <p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.</p> <p>- Quyết định số 1329/QĐ-BTP.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
2	2.000843	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.
4	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.
5	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.
7	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 10.000 đồng/trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.
8	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 10.000 đồng/trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
9	2.001044	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.
10	2.001050	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
11	2.001052	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp)	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1329/QĐ-BTP.
12	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện (Trực tiếp hoặc qua bưu chính)	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP;

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (35 thủ tục)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (3)						
1	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến; - Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã; - Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP - Thông tư số 10/2020/TT-BTP - Thông tư số 267/2016/TT-BTC - Quyết định số 169/QĐ-BTP
2	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã	Lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP - Thông tư số 10/2020/TT-BTP - Thông tư số 267/2016/TT-BTC - Quyết định số 169/QĐ-BTP

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến;</p> <p>- Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.</p>		<p>nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p>	
II LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (1)						
1	2.002165	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<p>- Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ, ghi vào sổ nhận hồ sơ và cấp giấy xác nhận đã nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thông báo bằng văn bản về việc nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có thể</p>	<p>Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã.</p>	Không	<p>- Luật số 10/2017/QH14; - Nghị định 68/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP.</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường, người yêu cầu bồi thường phải bổ sung hồ sơ. Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự Không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 41 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (Luật TNBTCNN năm 2017), cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải cử người</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>giải quyết bồi thường.</p> <p>- Trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017, cơ quan giải quyết bồi thường tiến hành tạm ứng kinh phí bồi thường đối với những thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017. Cụ thể, thời hạn thực hiện tạm ứng kinh phí bồi thường được thực hiện như sau:</p> <p>(1) Ngay sau khi thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường có trách nhiệm xác định giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017 và đề xuất Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường việc tạm ứng kinh phí bồi thường và mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường; (2) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, nếu còn dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan giải quyết bồi thường phải</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>hoàn thành việc tạm ứng kinh phí và chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Trường hợp Không còn đủ dự toán quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường có văn bản đề nghị cơ quan tài chính có thẩm quyền tạm ứng kinh phí để chi trả cho người yêu cầu bồi thường. Cơ quan tài chính có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tài chính có thẩm quyền có trách nhiệm cấp kinh phí cho cơ quan giải quyết bồi thường. Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường quyết định mức tạm ứng cho người yêu cầu bồi thường nhưng Không dưới 50% giá trị các thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều 44 TNBTCNN năm 2017.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ,</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.</p> <p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn thương lượng tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường Không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì người giải quyết bồi thường lập biên bản về việc Không nhận quyết định. Biên bản phải có chữ ký của đại diện các cơ quan tham gia thương</p>			

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			lượng. Biên bản phải nêu rõ hậu quả pháp lý của việc Không nhận quyết định giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 51 của Luật TNBTCNN năm 2017. Cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi cho người yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.			
III	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (19)					
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã</p> <p>Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.</p>	<p>Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	1.001193	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	- Lệ phí: 8.000 đồng/trường hợp (đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con)). - Miễn lệ phí đăng ký khai sinh đúng hạn; Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
3	1.000894	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
4	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã	Lệ phí: 15.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 8.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con). - Lệ phí: 15.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong những trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Miễn lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con trong những trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ- HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
6	1.000656	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 8.000 đồng/trường hợp đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn (quá 15 ngày kể từ ngày có người chết). - Miễn lệ phí đăng ký khai tử trong những trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ- HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Trực tiếp tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
8	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Trực tiếp tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
9	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Trực tiếp tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
10	1.004837	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
12	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	- Lệ phí: 15.000đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí trong những trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
13	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	- Lệ phí: 15.000đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí trong những trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	- Lệ phí: 8.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
15	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	- Lệ phí: 8.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
16	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã	- Lệ phí: 30.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
17	1.005461	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	- Lệ phí: 8.000 đồng/ trường hợp. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND; - Quyết định số 1872/QĐ-BTP.
18	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã	- Lệ phí: 8.000 đồng/ trường hợp đối với đăng ký khai	- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP;

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<p>quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định cần hoàn thiện, bổ sung thông tin thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc. - Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc. 	hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	<p>sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: Đăng ký khai sinh đúng hạn; Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND.
19	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định cần hoàn thiện, bổ sung thông tin thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc. - Đối với các xã cách xa 	Trực tiếp tại Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã hoặc trực tuyến qua hệ thống đăng ký hộ tịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 8.000 đồng/ trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con). - Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: + Đăng ký khai sinh đúng hạn; Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Nghị quyết số 183/2020/NQ-HĐND.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.		khuyết tật. + Đăng ký cấp sổ hộ khẩu, cấp sổ tạm trú lần đầu; Công dân là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.	
IV	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (12)					
1	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p> <p>Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>			<p>Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực;</p> <p>- Quyết định số 1329/QĐ-BTP.</p>
2	2.000843	<p>Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận</p>	<p>Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p> <p>Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)</p>	<p>Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			(hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực			
3	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC
4	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			chứng thực.			
5	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC
6	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC
7	2.001035	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p> <p>(Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà)</p>			
8	2.001019	Chứng thực di chúc	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/di chúc.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC</p>
9	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp</p>	<p>Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)</p>	<p>Phí: 50.000 đồng/di chúc.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
10	2.001406	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 50.000 đồng/di chúc.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC
11	2.001009	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp)	Phí: 50.000 đồng/di chúc.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nêu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến.	Bộ phận TNHS&TKQ cấp xã (Trực tiếp hoặc qua bưu chính)	Không	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC

Ghi chú: Quyết định này thay thế các Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp trước đây của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng bao gồm: Số 2870/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Số 2452/QĐ-UBND ngày 27/11/2018; Số 2565/QĐ-UBND ngày 12/12/2018; Số 1256/QĐ-UBND ngày 10/06/2019; Số 1583/QĐ-UBND ngày 28/7/2020; Số 1708/QĐ-UBND ngày 11/8/2020; Số 1965/QĐ-UBND ngày 10/9/2020; Số 2527/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; Số 635/QĐ-UBND ngày 25/3/2021; Số 1455/QĐ-UBND ngày 08/6/2021.